

Số: 161/BC-MNBMII

Bình Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Sơ kết chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2021-2025**

Thực hiện Phương hướng chiến lược số 65/PHCL- MNBMII ngày 07/4/2021 của trường Mầm non Bình Minh II về phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ báo cáo tổng kết các năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023 của trường Mầm non Bình Minh II

Trường Mầm non Bình Minh II báo cáo sơ kết đánh giá việc thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025 và đưa ra những điều chỉnh để thực hiện kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ năm học tiếp theo cụ thể như sau:

#### **I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:**

##### **1. Triển khai, quán triệt các văn bản.**

Nhà trường đã thực hiện tốt việc triển khai đến đội ngũ CBGVNV các văn bản của các cấp về Chiến lược xây dựng và phát triển ngành Giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường mầm non;

Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 về ban hành Thông tư ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

Thông tư liên tịch số 06/2015-TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về “Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập”;

Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 10/3/2021 của UBND huyện Thanh Oai về phát triển giáo dục mầm non huyện Thanh Oai giai đoạn 2021 - 2025.

Qua triển khai, quán triệt, nghiên cứu các văn bản của các cấp về Chiến lược xây dựng và phát triển ngành Giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 - 2025 đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đã có sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức, quan điểm, đoàn kết, thống nhất, vận dụng linh hoạt và sáng tạo trong triển khai và thực hiện việc xây dựng kế hoạch chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 tại đơn vị.

##### **2. Công tác xây dựng kế hoạch.**

Nhà trường đã xây dựng Phương hướng chiến lược số 65/PHCL- MNBMII ngày 07/4/2021 của trường Mầm non Bình Minh II về phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025;

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch từng năm học. Các kế hoạch được xây dựng dự thảo, tổ chức góp ý công khai, dân chủ, có sự tham gia đóng góp ý kiến của Hội đồng trường và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong đơn vị.

Định kỳ học kỳ và cuối năm học, nhà trường thực hiện báo cáo kết quả các chỉ tiêu đề ra trong từng năm học, đồng thời định kỳ tổ chức họp Hội đồng trường, hội đồng sư phạm để rà soát nhằm bổ sung, chỉnh sửa kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và đơn vị.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC:

### 1. Quy mô trường lớp.

Quy mô trường, lớp giai đoạn 2021-2023: Trong 3 năm học 2020 – 2021; 2021-2022 và năm học 2022-2023 trường có 13 nhóm lớp (04 Nhóm trẻ, 03 lớp MG 3 tuổi, 03 lớp MG 4 tuổi và 03 lớp MG 5 tuổi) số trẻ ra lớp hằng năm không tăng so với kế hoạch duyệt phát triển năm học và kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đề ra cụ thể từng năm:

Năm học	Nhóm trẻ 24-36 tháng		Lớp MG 3-4 tuổi		Lớp MG 4-5 tuổi		Lớp MG 5-6 tuổi		Tổng toàn trường		So sánh kết quả tỷ lệ
	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
2020-2021	2	55	3	80	3	98	4	117	12	350	Đạt 100%
2021-2022	2	60	3	84	3	85	4	103	12	332	Đạt 100%
2022-2023	2	60	3	97	4	85	3	86	12	328	Đạt 100%

### 2. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:

Nội dung	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Thực hiện chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành	100% các nhóm lớp	100% các nhóm lớp	100% các nhóm lớp
Trẻ đảm bảo an toàn thể chất, tinh thần	350/350	332/332	328/328
Tỷ lệ trẻ ăn bán trú và học 02 buổi/ngày	350/350	332/332	328/328
Trẻ có cân nặng bình thường	345/350	326/332	322/328
Trẻ có chiều cao bình thường	341/350	324/332	320/328
Trẻ SDD thể nhẹ cân	5/350	6/332	6/328
Trẻ SDD thấp còi	9/350	8/332	8/328
Trẻ thừa cân, béo phì	2/350	3/332	3/328
Trẻ 5 tuổi hoàn thành phổ cập	117/117	103/103	86/86
Tỷ lệ chuyên cần: Trẻ 5 tuổi	95%	96%	96%
- Trẻ dưới 5 tuổi	90%	91%	91%
Kết quả khảo sát các lĩnh vực phát triển đạt từ khá trở lên	100%	100%	100%

### 3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giai đoạn 2021- 2023.

	2020-2021		2021-2022		2022-2023	
	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
Hiệu trưởng	1		1		1	
P. Hiệu trưởng	2		2		2	
Giáo viên	28		28		28	
Nhân viên	2	9	2	9	2	9
<b>Tổng số</b>	<b>33</b>	<b>9</b>	<b>33</b>	<b>9</b>	<b>33</b>	<b>9</b>

Tổng số CBGVNV: 42 đ/c: biên chế là 33, hợp đồng 9. Trong đó: cán bộ quản lý là 03 (Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng), giáo viên dạy lớp là 28/12 lớp; nhân viên là 11 (01 kế toán, 01 y tế, 07 nhân viên nuôi dưỡng, 01 nhân viên phục vụ làm văn thư -thủ quỹ, 01 nhân viên bảo vệ).

Chi bộ 24 đảng viên đạt 57.1%. (BGH 03 đ/c, giáo viên 18, nhân viên 03, trình độ trung cấp chính trị 05).

Có 100% CBGV đạt chuẩn theo quy định, trong đó trên chuẩn (ĐH sư phạm) là 27/31 tỷ lệ 87.1%.

100% GV được đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp GVMN hàng năm do Hiệu trưởng đánh giá theo chu kỳ 2 năm /lần và cá nhân tự đánh giá, kết quả như sau:

Xếp loại chuẩn nghề nghiệp	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Xếp loại đạt	5/28 = 18%	5/28 = 18%	0
Xếp loại khá	17/28 = 29%	19/28 = 68%	17/28 = 60.7%
Xếp loại tốt	06/28 = 21%	04/28 = 14%	11/28 = 39.3%

Có 42/42 CBQL,GV,NV xếp loại viên chức trong từng năm học đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, có 32/42 viên chức đơn vị đạt danh hiệu lao động tiên tiến tỷ lệ 76.2% và có 12.2% đạt chiến sĩ thi đua cơ sở (đạt 100% theo kế hoạch).

Trường có 100% giáo viên giỏi cấp trường, mỗi năm có từ 2-4 GVG cấp huyện.

#### 4. Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Trường có đủ các phòng chức năng, khối phòng làm việc, cụ thể: Phòng Giáo dục nghệ thuật, phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, khối hành chính quản trị, phòng sinh hoạt chung của trẻ, phòng y tế, nhà bếp, kho chứa nước uống, nhà vệ sinh riêng... Các phòng được trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho công tác quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Trường có sân chơi thoáng mát, cây xanh, cây hoa, cây ăn trái, góc chơi vận động, đồ chơi ngoài trời phù hợp lứa tuổi với nhiều chủng loại phù hợp với sự phát triển của trẻ mầm non.

Xây dựng kế hoạch và thành lập hội đồng thẩm định, lựa chọn đồ dùng học liệu, tài liệu cho CBGVNV và trẻ theo đúng thông tư 30 và 47 của Bộ GDĐT. Đồ dùng học liệu theo thông tư 01 cho các nhóm lớp đảm bảo tiêu chuẩn điều kiện CSVC, trang thiết bị trường Chuẩn Quốc gia.

### 5. Những thành tích đạt được

Năm học	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định
2020-2021	Lao động tiên tiến	Số 4433 ngày 25 tháng 8 năm 2021, của UBND huyện Thanh Oai.
2021-2022	Lao động tiên tiến	Số 4115 ngày 29 tháng 6 năm 2022, của UBND huyện Thanh Oai.
2022-2023	Lao động tiên tiến	Số 4353 ngày 14 tháng 6 năm 2023, của UBND huyện Thanh Oai.

### III. KHÓ KHĂN VÀ TỒN TẠI

#### 1. Quy mô trường lớp

- Số trẻ ở các độ tuổi không đồng đều nên việc sắp xếp nhóm lớp gặp nhiều khó khăn. Số cháu giảm dần hàng năm.

#### 2. Cơ sở vật chất

- Diện tích đất chưa đủ 12m<sup>2</sup>/trẻ. Thiếu phòng thể chất cho trẻ hoạt động. Tủ giá đồ chơi, bàn ghế một số lớp cũ, hỏng.

- Các phòng học xuống cấp tường bong tróc, nền nhà phòng rộp. Đồ chơi ngoài trời cũ, hệ thống vòi nước nhà vệ sinh của trẻ thường xuyên bị hỏng nhiều.

- Chưa có vườn rau, vườn cây ăn quả để cho trẻ quan sát, chăm sóc, trải nghiệm. Hệ thống phòng cháy chữa cháy chưa đảm bảo theo quy định.

### IV. PHƯƠNG HƯỚNG ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2023- 2025:

#### 1. Xác định các vấn đề ưu tiên:

Xây dựng nhà trường có nền nếp kỷ cương trong dạy học. Tạo điều kiện để mỗi giáo viên và trẻ có cơ hội phát triển năng lực, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng.

Tập trung đầu tư xây dựng CSVC khu trường mới đảm bảo yêu cầu về diện tích đất, đủ các trang thiết bị còn thiếu để đạt công tác kiểm định chất lượng giáo dục mức 2 và trường chuẩn quốc gia Mức độ 1.

#### 2. Điều chỉnh, bổ sung.

##### 2.1. Quy mô trường lớp

- Số nhóm lớp: Duy trì 12 nhóm lớp.

- Số trẻ đến lớp: Duy trì 300 đến 375 trẻ. (Về công tác huy động trẻ: Tỷ lệ huy động trẻ Nhà trẻ 0- 2 tuổi đến 2025 đạt 55%, trẻ 3-5 tuổi đạt 95%, trong đó trẻ 4 tuổi, trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%.

**Dự kiến số lớp, số trẻ giai đoạn 2023-2025**

Năm học	Nhà trẻ		3 tuổi		4 tuổi		5 tuổi		Toàn trường	
	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ
2023-2024	2	50	4	80	4	94	3	84	12	308
2024-2025	2	50	3	75	3	78	4	97	12	300

- Trẻ đến trường chuyên cần đạt: Trẻ 5T trên 95%, trẻ dưới 5T đạt trên 90%.
- Về chất lượng giáo dục: 100% trẻ được chăm sóc nuôi dưỡng an toàn, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi dưới 2%.
- 100% trẻ được trang bị các kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi, trẻ mẫu giáo được làm quen tiếng Anh.

**2.2. Về cơ sở vật chất**

- Tích cực tham mưu với lãnh đạo xã, huyện quy hoạch, mở rộng diện tích xây dựng một khu mầm non mới đảm bảo đủ các phòng học, các phòng hiệu bộ, chức năng với diện tích 10.000 m<sup>2</sup>.
- Cân đối ngân sách để mua bổ sung tủ giá đồ chơi, bàn ghế, sơn sửa đồ chơi ngoài trời, sửa chữa nhà vệ sinh, hệ thống điện, quạt, điều hòa cho các lớp.

**2.3. Xây dựng và phát triển đội ngũ**

- 100% cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn Đại học sư phạm.
- 100% giáo viên có trình độ đào tạo chuyên môn trên chuẩn; Tỷ lệ giáo viên đảm bảo giáo viên/lớp và có đủ nhân viên làm việc theo quy định về vị trí việc làm quy định tại thông tư 06/2015/TTLT- BGDDĐT-BNV ngày 16/03/2015.
- BGH, GV xếp loại chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên, có 50% giáo viên xếp loại tốt trở lên; 100% CBQL, GV, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và không có cá nhân bị kỷ luật.
- Nâng cao trình độ Tiếng Anh, Tin học cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng nhu cầu thực hiện chuyển đổi số của xã hội và trong quản lý, dạy học.
- Nhà trường giữ vững danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến; từ 80% CBGVNV đạt danh hiệu tiên tiến, từ 15% trở lên CBGVNV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở.

Trên đây là báo cáo Sơ kết chiến lược phát triển và phương hướng điều chỉnh chiến lược giai đoạn 2021- 2025 của trường MN Bình Minh II./.

**Nơi nhân:**

- Phòng GD&ĐT;
- CB, GV, NV toàn trường;
- Ban ĐDCMHS trường;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đào Thị Bích Hương**